TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Huy Mân;

Ông Nguyễn Văn Bạch;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 461/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Chung Bảo L, sinh năm: 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 01/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Do mai mối chị và anh Chung Bảo L tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Chung Bảo L thường hay ghen tuông vô cớ và xúc phạm chị. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Chung Bảo L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Chung Bảo K, sinh ngày: 31/12/2013 và Chung Bảo T, sinh ngày: 27/02/2010. Khi ly hôn con chung anh Chung Bảo L nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày không ghi ngày tháng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Chung Bảo L trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết M về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung. Anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh có ghen tuông và nóng tính nên có khi xúc phạm chị Nguyễn Thị Tuyết M. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết M vì anh còn thương vợ, thương con. Nếu Tòa án cho ly hôn, con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Chung Bảo L cư trú: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Chung Bảo L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Chung Bảo L đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Chung Bảo L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở mai mối. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn mà không hòa giải được dẫn đến ly

thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Tuyết M cương quyết xin ly hôn, anh Chung Bảo L không đồng ý nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Cho nên nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết M, cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Chung Bảo L là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Chung Bảo L khai thống nhất: trong quá trình chung sống anh, chị có hai con chung tên Chung Bảo K, sinh ngày: 31/12/2013 và Chung Bảo T, sinh ngày: 27/02/2010. Xét thấy, các con chung hiện do anh Chung Bảo L đang trực tiếp nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay và các cháu Chung Bảo K và Chung Bảo T cũng có nguyện vọng sống với cha. Mặt khác, hiện tại anh Chung Bảo L có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Cho nên Hội đồng xét xử nghĩ cần giao hai con chung cho anh Chung Bảo L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Chung Bảo L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Chung Bảo L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Chung Bảo L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Chung Bảo K, sinh ngày: 31/12/2013 và Chung Bảo T, sinh ngày: 27/02/2010 cho anh Chung Bảo L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Chung Bảo L không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016555 ngày 08/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy